

Tăng tỷ trọng

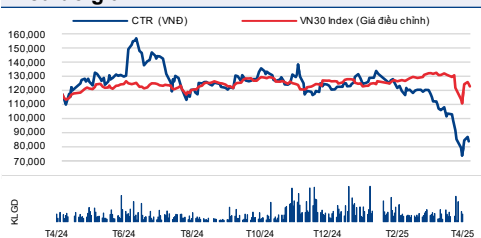
Giá mục tiêu: VNĐ138,000

Tiềm năng tăng/giảm: 66.3%

Giá cổ phiếu (đồng) (16/4/2025)	83,000
Mã Bloomberg	CTR VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	73,900-156,884
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	84,600
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	9,494
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	367
Slg CP lưu hành (tr.đv)	114
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	56.0
Slg CP NN được mua (tr.đv)	45.1
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	9.61%
Tỷ lệ freefloat	34.3%
Cổ đông lớn	Tập đoàn Viettel (65.7%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
DT thuần (tỷ đồng)	12,613	14,475	16,440
EBITDA đc (tỷ đồng)	1,032	1,232	1,564
LNTT (tỷ đồng)	672	738	845
LNT ĐC (tỷ đồng)	407	445	510
FCF (tỷ đồng)	339	(371)	11.1
EPS ĐC (đồng)	3,556	3,894	4,461
DPS (đồng)	1,000	1,200	1,500
BVPS (đồng)	16,282	18,976	21,937
T.trưởng EBITDA (%)	15.6	19.3	27.0
T.trưởng EPS ĐC (%)	4.55	9.53	14.6
Tăng trưởng DPS (%)	(63.2)	20.0	25.0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	8.18	8.51	9.51
Tỷ suất LNTT (%)	5.33	5.09	5.14
Tỷ suất LNT ĐC (%)	4.27	4.08	4.11
Tỷ lệ LN trả CT (%)	28.1	30.8	33.6
Nợ thuần/VCSH (%)	61.8	81.5	80.4
ROAE (%)	28.0	29.3	28.9
ROACE (%)	29.5	28.7	28.2
EV/doanh thu (lần)	0.74	0.70	0.62
EV/EBITDA ĐC (lần)	9.08	8.26	6.56
P/E ĐC (lần)	23.3	21.3	18.6
P/B (lần)	5.10	4.37	3.78
Lợi suất cổ tức (%)	1.20	1.45	1.81

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Khởi đầu là đơn vị xây dựng cho Viettel, tập đoàn viễn thông số 1 tại Việt Nam, CTR hiện đã trở thành doanh nghiệp đi đầu trong lĩnh vực hạ tầng viễn thông với sự tham gia vào các mảng xây dựng, vận hành và đầu tư cho thuê hạ tầng.

Chuyên viên phân tích

Mai Đoàn Ngọc Hân

Chuyên viên phân tích cao cấp, Ngành
han.mdn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299

Võ Thị Ngọc Hân, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp
han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

Tháng 3/2025: LNTT tăng 10% so với cùng kỳ nhờ mảng cho thuê hạ tầng vững chắc

- Doanh thu và LNTT sơ bộ Q1/2025 đạt lần lượt 2.755 tỷ đồng (tăng 5% so với cùng kỳ) và 154 tỷ đồng (tăng 6,7% so với cùng kỳ), được hỗ trợ từ doanh thu và LNTT tháng 3 lần lượt ở mức 993 tỷ đồng (tăng 7,9% so với cùng kỳ, nhờ mảng cho thuê hạ tầng tăng 49% so với cùng kỳ) và 54 tỷ đồng (tăng 10,4% so với cùng kỳ). KQKD Q1/2025 đa phần sát với dự báo, với LNTT hoàn thành 21% dự báo cho cả năm 2025 của HSC.
- Trong quý, CTR bổ sung thêm 303 trạm BTS vào mạng lưới Towerco cho thuê, nâng tổng số trạm BTS lên 10.350 trạm. Lưu ý rằng tiến độ lắp đặt trạm BTS chậm lại trong quý 1 trước khi tăng tốc từ quý 2. Tỷ lệ dùng chung trạm vẫn ở mức 1,03 lần.
- Sau các đợt bán tháo trong thời gian gần đây, chúng tôi xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu đối với CTR.

Sự kiện: ĐHCĐ diễn ra ngày 16/4/2025; công bố KQKD sơ bộ Q1/2025

Trong Q1/2025, doanh thu và LNTT tăng lần lượt 5% và 7% so với cùng kỳ đạt 2.755 tỷ đồng và 154 tỷ đồng, hoàn thành 19% và 21% dự báo cho cả năm của HSC, đa phần sát với dự báo. Ngoài ra, KHKD BLĐ đề ra cho thấy sự tự tin của Công ty về triển vọng của năm 2025. Những thông tin chính như sau:

Q1/2025: Mảng cho thuê hạ tầng vẫn giữ được đà tăng trưởng tích cực

CTR công bố KQKD sơ bộ tháng 3/2025 và Q1/2025. Trong tháng 3, doanh thu thuần đạt 993 tỷ đồng, tăng 8% so với cùng kỳ (cao hơn mức tăng 4% so với cùng kỳ trong tháng 2/2025). Với kết quả trên, doanh thu Q1/2025 đạt 2.755 tỷ đồng, tăng 5% so với cùng kỳ và hoàn thành 19% dự báo doanh thu thuần cho cả năm 2025 của HSC ở mức 14.475 tỷ đồng. Trong khi đó, LNTT tháng 3 và Q1/2025 đạt lần lượt 54 tỷ đồng (tăng 10% so với cùng kỳ) và 154 tỷ đồng (tăng 7% so với cùng kỳ) (xem Bảng 2-3 và trang tiếp theo để có thông tin chi tiết).

Tăng trưởng doanh thu trong Q1/2025 đa phần được thúc đẩy từ đà tăng trưởng vững chắc của mảng cho thuê hạ tầng, với mức tăng 48% so với cùng kỳ đạt 199 tỷ đồng (tháng 3/2025, tăng 49% so với cùng kỳ đạt 69 tỷ đồng), tăng mức đóng góp của mảng này vào tổng doanh thu lên 7% trong Q1/2025 (từ mức 5% trong Q1/2024). CTR đã bổ sung thêm 236 trạm BTS trong tháng 3, nâng tổng số trạm BTS lên 10.350 trạm vào cuối Q1/2025.

Tính đến cuối tháng 3, có 340 trạm BTS có hơn 1 khách thuê, với tỷ lệ dùng chung trạm tương đối không đổi ở mức 1,03 lần. Tại đại hội, Công ty đặt mục tiêu có 500 trạm BTS có hơn 1 khách thuê, nâng tỷ lệ dùng chung trạm lên 1,05 lần.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 17/4.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Kế hoạch kinh doanh năm 2025, CTR

CTR đặt kế hoạch lợi nhuận năm 2025 tăng trưởng 5% lên mức 563 tỷ đồng

Tỷ đồng	Kế hoạch 2025	So với cùng kỳ	Dự báo 2025 của HSC	% dự báo của HSC
Doanh thu	13,968	10.7%	14,475	96.5%
Lợi nhuận thuần	563	4.5%	590	95.4%
Tỷ suất lợi nhuận thuần	4.0%		4.1%	

Nguồn: CTR, HSC

Doanh thu mảng vận hành tăng 4% so với cùng kỳ đạt 488 tỷ đồng trong tháng 3/2025, nâng doanh thu mảng này trong Q1/2025 lên 1.399 tỷ đồng, tăng 2% so với cùng kỳ. CTR chủ yếu tham gia vào các dự án chuyển đổi số của Viettel, như ứng dụng công nghệ AI và giải pháp phân tích dữ liệu để phục vụ cho công tác vận hành của Tập đoàn Viettel.

Đối với mảng xây dựng, CTR ghi nhận mức tăng trưởng doanh thu tháng 3/2025 và Q1/2025 lần lượt ở mức 11% và 5% so với cùng kỳ đạt 305 tỷ đồng và 804 tỷ đồng, đa phần nhờ các dự án B2C&SME. Trong khi đó, doanh thu mảng giải pháp tích hợp và dịch vụ kỹ thuật trong tháng 3/2025 và Q1/2025 tăng lần lượt 9% và 5% so với cùng kỳ đạt 122 tỷ đồng và 341 tỷ đồng.

Việc triển khai mạng 5G sẽ thúc đẩy tăng trưởng trong năm 2025

CTR đặt mục tiêu doanh thu và lợi nhuận thuần năm 2025 lần lượt ở mức 13.968 tỷ đồng (tăng trưởng 11%) và 563 tỷ đồng (tăng trưởng 5%, thấp hơn 5% so với dự báo hiện tại của HSC). Cho giai đoạn 2025-2030, Công ty kỳ vọng doanh thu tăng trưởng với tốc độ CAGR ở mức 10-15% và tỷ suất lợi nhuận thuần vào năm 2030 kỳ vọng đạt mức 10% (năm 2024: 4,3%). Chúng tôi dự báo động lực tăng trưởng chính sẽ đến từ mảng xây dựng và mảng cho thuê hạ tầng, với tốc độ tăng trưởng được kỳ vọng ở mức 20-50% mỗi năm.

Đáng lưu ý, là đối tác chính của Viettel, CTR đặt mục tiêu giành được 50% gói thầu 5G của tập đoàn (Viettel đặt mục tiêu lắp đặt 15.000-20.000 trạm BTS 5G trong năm 2025). Do đó, mảng xây dựng và mảng cho thuê hạ tầng là những lĩnh vực tăng trưởng quan trọng, tận dụng 55.000 trạm BTS có sẵn của Viettel (bao gồm 6.000 trạm sẵn sàng cho việc khai thác mạng 5G). Áp lực cạnh tranh ngày càng tăng giữa Viettel và Starlink về internet vệ tinh và với MobiFone về internet di động đã được nhận thấy, nhưng việc Viettel đẩy mạnh phủ sóng 98-99% dân số giúp củng cố vai trò của CTR, đặc biệt là ở các vùng sâu vùng xa. Hơn nữa, CTR không nhận thấy rủi ro khi nhu cầu xây dựng và thuê hạ tầng từ các nhà mạng khác như Mobifone hay Vinaphone giảm.

Ngoài ra, CTR đặt mục tiêu doanh thu 200-500 tỷ đồng từ việc cho thuê toàn bộ đường dây dọc tuyến cao tốc Bắc - Nam và dự kiến Công ty sẽ tham gia vào các dự án chiến lược của Viettel như sản xuất chip và trung tâm dữ liệu trong dài hạn. Điều này phù hợp với các ưu tiên của Chính phủ trong việc xây dựng cơ sở hạ tầng số.

Đối với mảng vận hành, doanh thu nước ngoài tăng 3-5% mỗi năm và đang đạt điểm hòa vốn. Trong tương lai, lợi nhuận từ các hoạt động ở nước ngoài được kỳ vọng tăng 20-30% do CTR hỗ trợ Viettel mở rộng HKKD tại các thị trường nước ngoài như Dominica.

Xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu

Sau khi giá cổ phiếu giảm 26% trong 1 tháng qua khi thị trường biến động trong bối cảnh chính quyền Tổng thống Trump công bố chính sách 'thuế đối ứng', CTR đang giao dịch với EV/EBITDA trượt dự phóng 1 năm là 9,3 lần, thấp hơn bình quân từ năm 2021 ở mức 11,1 lần. Chúng tôi đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu đối với CTR.

Bảng 2: KQKD sơ bộ T3/2025 và Q1/2025, CTR

Mảng cho thuê tiếp tục dẫn dắt tăng trưởng trong T3/2025

Tỷ đồng	T3-25	So với cùng kỳ	So với tháng trước	3T25	So với cùng kỳ	Dự báo 2025 của HSC	% hoàn thành dự báo
Doanh thu	993	7.9%	14.7%	2,755	5.0%	14,475	19.0%
LNTT	54	8.8%	10.4%	154	6.7%	738	20.9%
Tỷ suất LNTT	5.5%	+0.1ppts	-0.2ppts	5.6%	+0.1ppts	5.1%	

Nguồn: CTR, HSC

Bảng 3: Cơ cấu doanh thu T3/2025 và Q1/2025 theo mảng kinh doanh, CTR

Mảng cho thuê tăng trưởng mạnh mẽ, trong khi các mảng khác tăng trưởng trung bình ở mức một chữ số trong Q1/2025

Tỷ đồng	T3-24	T3-25	So với cùng kỳ	3T24	3T25	So với cùng kỳ	Tỷ trọng 3T24	Tỷ trọng 3T25
Doanh thu thuần	921	993	7.9%	2,624	2,755	5.0%	100.0%	100.0%
Vận hành	470	488	3.7%	1,375	1,399	1.7%	52.4%	50.8%
Xây dựng	274	305	11.0%	764	804	5.1%	29.1%	29.2%
giải pháp tích hợp và dịch vụ kỹ thuật	112	122	8.7%	325	341	4.8%	12.4%	12.4%
Cho thuê	46	69	48.7%	135	199	47.8%	5.1%	7.2%

Nguồn: CTR, HSC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Doanh thu	11,299	12,613	14,475	16,440	18,418
Lợi nhuận gộp	886	883	1,081	1,243	1,420
Chi phí BH&QL	(249)	(167)	(290)	(329)	(368)
Thu nhập khác	2.82	4.19	0	0	0
Chi phí khác	(4.96)	(6.71)	(5.79)	(6.58)	(7.37)
EBIT	635	713	786	908	1,045
Lãi vay thuần	10.7	(41.5)	(48.7)	(62.7)	(70.0)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	-	-	-	-	-
LNTT	645	672	738	845	975
Chi phí thuế TNDN	(129)	(133)	(148)	(169)	(195)
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	517	539	590	676	780
Lợi nhuận thuần ĐC	389	407	445	510	589
EBITDA ĐC	893	1,032	1,232	1,564	1,812
EPS (đồng)	3,401	3,556	3,894	4,461	5,147
EPS ĐC (đồng)	3,401	3,556	3,894	4,461	5,147
DPS (đồng)	2,720	1,000	1,200	1,500	2,000
Sig CP bình quân (triệu đv)	114	114	114	114	114
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	114	114	114	114	114
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	114	114	114	114	114

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tiền & tương đương tiền	818	888	743	808	728
Đầu tư ngắn hạn	1,000	854	579	658	737
Phải thu khách hàng	2,945	2,905	3,257	3,617	3,960
Hàng tồn kho	783	602	651	723	792
Các tài sản ngắn hạn khác	81.1	139	123	132	138
Tổng tài sản ngắn hạn	5,627	5,387	5,353	5,937	6,355
TSCĐ hữu hình	285	191	100	7.15	(88.8)
TSCĐ vô hình	0	0	0	0	0
Bất động sản đầu tư	829	1,223	2,188	2,445	2,481
Đầu tư dài hạn	152	252	252	252	252
Đầu tư vào Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	35.7	15.1	17.4	19.7	22.1
Tổng tài sản dài hạn	1,302	1,680	2,557	2,723	2,666
Tổng cộng tài sản	6,929	7,067	7,910	8,660	9,021
Nợ ngắn hạn	1,191	1,052	1,158	1,315	1,105
Phải trả người bán	594	610	724	822	921
Nợ ngắn hạn khác	1,926	2,349	2,311	2,311	2,311
Tổng nợ ngắn hạn	4,541	4,617	4,891	5,232	5,210
Nợ dài hạn	383	573	848	919	941
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	14.7	15.3	0	0	0
Tổng nợ dài hạn	398	588	848	919	941
Tổng nợ phải trả	4,938	5,205	5,740	6,151	6,152
Vốn chủ sở hữu	1,991	1,862	2,171	2,509	2,869
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Tổng vốn chủ sở hữu	1,991	1,862	2,171	2,509	2,869
Tổng nợ phải trả và VCSH	6,929	7,067	7,910	8,660	9,021
BVPS (đ)	17,404	16,282	18,976	21,937	25,084
Nợ thuần*/(tiền mặt)	756	737	1,263	1,426	1,318

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
EBIT	635	713	786	908	1,045
Khấu hao	(258)	(319)	(445)	(656)	(768)
Lãi vay thuần	10.7	(41.5)	(48.7)	(62.7)	(70.0)
Thuế TNDN đã nộp	(57.7)	(116)	(148)	(169)	(195)
Thay đổi vốn lưu động	(200)	458	(194)	(248)	(223)
Khác	127	(129)	113	(252)	(272)
LCT thuần từ HKKD	575	1,136	949	831	1,048
Đầu tư TS dài hạn	(483)	(796)	(1,320)	(820)	(708)
Góp vốn & đầu tư	(1,549)	(1,651)	0	0	0
Thanh lý	0	2.07	0	0	0
Khác	1,874	1,851	(2.23)	(2.36)	(2.37)
LCT thuần từ HĐĐT	(159)	(594)	(1,322)	(822)	(710)
Cổ tức trả cho CSH	(120)	(525)	(137)	(172)	(229)
Thu từ phát hành CP	0	0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	108	51.4	381	227	(187)
Khác	0	0	(15.3)	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(11.8)	(474)	229	55.9	(416)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	414	819	888	743	808
LCT thuần trong kỳ	404	67.6	(145)	64.6	(79.1)
Ảnh hưởng của tỷ giá	-	-	-	-	-
Tiền & tương đương tiền cuối kì	818	886	743	808	728
Dòng tiền tự do	91.1	339	(371)	11.1	340

Các chỉ số tài chính	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	7.84	7.00	7.47	7.56	7.71
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	7.90	8.18	8.51	9.51	9.84
Tỷ suất LNT (%)	4.57	4.27	4.08	4.11	4.23
Thuế TNDN hiện hành (%)	20.0	19.8	20.0	20.0	20.0
Tăng trưởng doanh thu (%)	19.4	11.6	14.8	13.6	12.0
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	15.4	15.6	19.3	27.0	15.9
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(0.29)	4.55	9.53	14.6	15.4
Tăng trưởng EPS (%)	(0.29)	4.55	9.53	14.6	15.4
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(0.29)	4.55	9.53	14.6	15.4
Tăng trưởng DPS (%)	(6.82)	(63.2)	20.0	25.0	33.3
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	80.0	28.1	30.8	33.6	38.9
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	28.5	28.0	29.3	28.9	29.0
ROACE (%)	29.5	29.5	28.7	28.2	28.9
Vòng quay tài sản (lần)	1.74	1.80	1.93	1.98	2.08
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	0.91	1.59	1.21	0.92	1.00
Số ngày tồn kho	27.5	18.7	17.8	17.4	17.0
Số ngày phải thu	103	90.4	88.8	86.9	85.0
Số ngày phải trả	20.8	19.0	19.7	19.7	19.8
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	71.2	61.8	81.5	80.4	69.7
Nợ/tài sản (%)	32.2	28.8	31.8	32.6	30.2
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	17.2	16.2	14.5	14.9
Nợ/EBITDA (lần)	2.50	1.97	2.04	1.81	1.51
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.24	1.17	1.09	1.13	1.22
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	0.82	0.74	0.70	0.62	0.55
EV/EBITDA ĐC (lần)	10.4	9.08	8.26	6.56	5.56
P/E (lần)	24.4	23.3	21.3	18.6	16.1
P/E ĐC (lần)	24.4	23.3	21.3	18.6	16.1
P/B (lần)	4.77	5.10	4.37	3.78	3.31
Lợi suất cổ tức (%)	3.28	1.20	1.45	1.81	2.41

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn